

KOBELCO

SK380XDL-10

SK380 **XD** **LC**



Sức mạnh đem lại hiệu quả

Kobelco thiết kế những chiếc máy đào thân thiện với môi trường, cùng khả năng vận hành trong các điều kiện khó khăn ở mọi loại địa hình. Thân máy với thiết kế mới, gia cường toàn diện khiến máy trở nên chắc chắn hơn. Công nghệ thủy lực mới nhất đem lại năng suất làm việc cao hơn và giảm tải năng lượng tiêu thụ. Là thế hệ 10 của KOBELCO, SK380XDL đáp ứng nhu cầu các công việc khai thác mỏ với một hiệu suất đáng kinh ngạc.





Tăng năng suất
làm việc đồng nghĩa
"Sức mạnh"

16%
Tiết kiệm nhiên liệu
đồng nghĩa
"Hiệu quả"

Bộ công tác mạnh mẽ

Tăng cường thiết kế tay cần **MỚI**

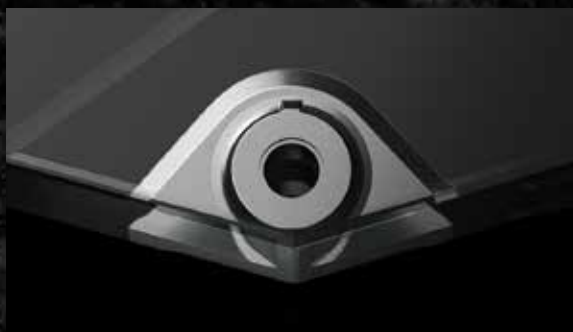


Đầu cần



Tay cần

Đường cong chịu lực của khớp nối tay cần **MỚI**



Đường cong chịu lực của khớp nối tay cần được thay đổi và cải tiến để phân tán áp lực, tăng cường thêm sức bền cho những công việc phải đào cạnh tường



Đường gân bảo vệ tay cần

với thiết kế đặc biệt: dài và cứng hơn nhằm ngăn chặn những hư hại do đất đá gây ra cho tay cần.



Tăng năng suất
làm việc đồng nghĩa
"Sức mạnh"

Sức mạnh của tay và cần máy
được tăng cường đáng kể

Cần được chế tạo bằng thép dày hơn

Đặc điểm cần XD **MỚI**



Tiết diện cần lớn **MỚI**



Thiết kế mới và tiết diện cần lớn
đem lại độ bền vượt trội trong điều
kiện làm việc khắc nghiệt

Bộ giảm chấn và tấm bảo vệ giúp bảo vệ các bộ phận chính bên trên máy.

Bộ giảm chấn

Bộ giảm chấn được
thiết kế phù hợp để
bảo vệ thiết bị phát
điện và cabin



**Nắp đậy gầm
máy**

Nắp đậy dày và độ
bền cao hơn so với
dòng máy tiêu chuẩn



Tăng năng suất làm việc đồng nghĩa với "Sức mạnh"

Hệ thống di chuyển của máy khỏe hơn , dễ dàng di chuyển trên địa hình nhiều đá.
Hệ thống lọc tốt hơn đảm bảo cho máy vận hành năng suất hơn.

Khung gầm vững chắc hơn



Khung gầm vững chắc hơn nhằm chống lại sự biến dạng do tác động của đất đá

Tấm chắn xích



Tấm chắn xích lớn được thiết kế ở 3 vị trí

Xích HD với kết cấu dày hơn



Xích HD chắc chắn với kết cấu thép dày giúp máy có thể hoạt động dễ dàng trên nền đất thô

Nắp mô tơ di chuyển được gia cố tốt hơn



Nắp mô tơ di chuyển được gia cố.

Nắp bảo vệ sàn



Bảo vệ ống thủy lực và thiết bị nhằm giảm thiểu những tổn thất từ đất, đá.

Cầu xích



Kích thước và độ bền của cầu xích được tăng cường so với dòng máy tiêu chuẩn

Lá xích đôi (tùy chọn)



Lá xích đôi bao gồm thép dày và tay hãm. Đây là thiết kế lý tưởng dành cho các địa điểm khai thác mỏ.

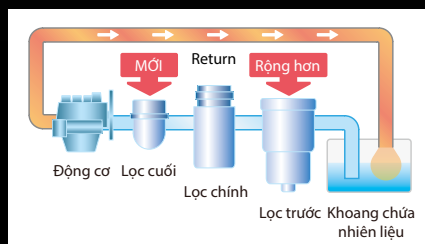


Hệ thống lọc được cải tiến

Nhiên liệu cùng chất lỏng thủy lực sạch và không nhiễm bẩn là những yếu tố cần thiết giúp cho máy hoạt động ổn định. Hệ thống lọc được cải tiến làm giảm thiểu nguy cơ về những trục trặc cơ học, tăng tuổi thọ cũng như độ bền của máy.

Lọc nhiên liệu MỚI

Bộ lọc trước được tích hợp với lọc tách nước có diện tích lớn hơn 1,8 lần so với những model cũ, với công đoạn lọc cuối nhằm tối đa hóa hiệu suất lọc



Lọc thủy lực MỚI

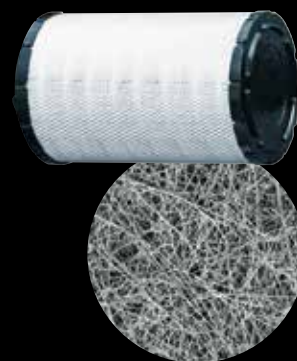
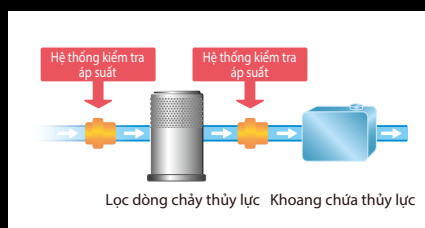
Được biết đến là loại lọc tốt nhất trong ngành công nghiệp, bộ lọc siêu mịn có thể tách những cặn bẩn dù là nhỏ nhất. Vỏ bọc kiểu mới ngăn ngừa sự nhiễm bẩn khi thay bộ lọc

Lưới lọc không khí sạch hơn MỚI

Lưới lọc che phủ đảm bảo cho động cơ luôn khỏe và bền

Hệ thống báo tắc lọc hồi thủy lực MỚI

Cảm biến áp suất bốn chứa thủy lực theo dõi áp suất chênh lệch giữa đường dẫn hồi lưu và áp suất khoang chứa bên trong, nhằm xác định độ tắc nghẽn. Nếu sự chênh lệch vượt quá ngưỡng quy định, cảnh báo sẽ xuất hiện ở màn hình hiển thị, nhờ đó bộ lọc có thể chặn lại bất kỳ sự nhiễm bẩn nào và được thay thế trước khi nó ảnh hưởng đến dòng chảy thủy lực trong khoang chứa.



Enlarged filter image

Tiếp tục phát triển cùng với việc nâng cao hiệu quả sử dụng nhiên liệu

16%*
Tiết kiệm nhiên liệu
đồng nghĩa
"Hiệu quả"

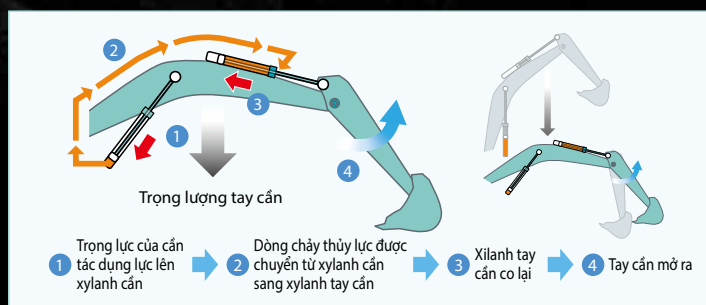
Với ứng dụng mạch tái tạo năng lượng cho thao tác tay cần cùng cải tiến trong hệ thống thủy lực, ma sát và thất thoát năng lượng giảm đến 16%.

* So với chế độ H-mode ở Model SK330-8

Hệ thống thủy lực: Công nghệ tiên tiến, tiết kiệm nhiên liệu

Mạch tái tạo năng lượng cho thao tác tay cần MỚI

Khi hạ cần hệ thống này sử dụng áp lực được tạo ra bởi trọng lượng của cần để đưa lên xilanh tay cần. Khi đó, sẽ làm giảm đáng kể việc phải sử dụng các năng lượng từ bên ngoài.



Hệ thống tiết kiệm năng lượng

Chế độ làm việc tiết kiệm nhiên liệu ECO mode MỚI

Chế độ tiết kiệm nhiên liệu mới cho phép lựa chọn chế độ làm việc theo ý muốn. Lượng nhiên liệu tiêu thụ được giảm thiểu đáng kể.



- E** Chế độ ECO, được sử dụng để tiết kiệm nhiên liệu tiêu thụ khi khối lượng làm việc nhỏ.
ECO mode: giảm 24% nhiên liệu (So với chế độ S-mode model SK330-8)
- H** Chế độ làm nặng khi yêu cầu xử lý 1 khối lượng công việc lớn.
H mode: giảm 16% nhiên liệu (So với chế độ H-mode model SK330-8)
- S** Chế độ tiêu chuẩn khi làm những việc nhẹ.
S mode: giảm 19% nhiên liệu (So với chế độ S-mode model SK330-8)



Tay cần tiêu chuẩn: 2.6m (được gia cố cho công việc khai thác đá)

■ Lực đào gầu tối đa:
Thông thường: **229kN**
Khi tăng áp: **252kN**

■ Lực đào tay cần tối đa
Thông thường: **207kN**
Khi tăng áp: **228kN**

■ Bán kính đào lớn nhất: **10,610mm**
■ Chiều sâu đào lớn nhất: **6,840mm**
■ Chiều sâu đào vách đứng: **5,700mm**

Lực di chuyển lớn

Lực di chuyển cùng lực kéo mạnh giúp máy có thể di chuyển ở nhiều tốc độ khác nhau, khi leo dốc hay vượt qua những đoạn đường xấu với khả năng thay đổi hướng đi nhịp nhàng.

■ Lực kéo: **331kN**



Cabin tiện nghi, an toàn

Môi trường làm việc trong cabin yên tĩnh và thoải mái hơn. Sự an toàn cho người vận hành được đặt lên hàng đầu.

Cabin rộng rãi MỚI

Sức chứa cabin rộng hơn 4% so với trước đây tạo môi trường làm việc thoải mái cho người vận hành.

Điều hòa thông hơi phía sau ghế lái MỚI



Điều hòa không khí lớn có chức năng thông hơi được đặt trên các cột phía sau bên phải và bên trái của ghế ngồi vận hành. Người vận hành có thể điều chỉnh nhiệt độ và hướng gió trong cabin tạo ra một môi trường làm việc thoải mái.

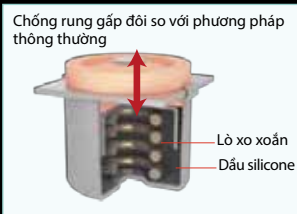
Cabin siêu kín MỚI



Cabin được thiết kế siêu kín nhằm ngăn bụi thâm nhập vào bên trong.

Độ rung lắc thấp MỚI

Lò xo xoắn làm giảm rung lắc, hệ thống treo chứa đầy dầu silicone làm giảm những rung lắc mạnh. Chu kỳ dao động lò xo dài do hệ thống này tạo ra sẽ bảo vệ cabin khỏi những rung lắc



Màn hình hiển thị đa năng MỚI

Màn hình đồ họa với màu sắc tươi sáng, dễ nhận diện trên màn hình LCD đa hiển thị. Trên màn hình thể hiện lượng tiêu thụ nhiên liệu, khoảng bảo dưỡng.



Bảo dưỡng

INTERVAL	THRESHOLD	EXCHANGE
ENGINE OIL	250 248	---
FUEL FILTER	500 498	---
HYD. FILTER	1000 998	---
HYD. OIL	2000 1998	---



- 1 Đồng hồ đo nhiệt độ chất làm mát động cơ
- 2 Đồng hồ đo mức nhiên liệu
- 3 Màn hình đa năng
- 4 Công tắc chọn chế độ làm việc
- 5 Công tắc thay đổi màn hình

Công tắc chọn chế độ bộ công tác

Sử dụng công tắc này để chuyển đổi giữa các chế độ "Đào", "Búa" và "Kẹp". Từ đó, có thể chọn chế độ thích hợp tương ứng.

Thoải mái



Góc nhìn rộng cho người vận hành

MỚI

Cửa sổ phía trước là một tấm kính rộng, không có đường ngăn cách ở giữa giúp người vận hành có góc nhìn rộng và không bị cản trở khi quan sát

Cabin với lối ra vào rộng rãi

MỚI

Cabin được mở rộng với cửa ra vào lớn giúp người vận hành dễ dàng ra vào cabin.



+80mm

Ghế ngồi cho người vận hành thoải mái hơn nhằm nâng cao hiệu suất làm việc



Ghế ngồi trượt và giảm sóc



Độ gừa của lưng ghế có thể điều chỉnh cho phù hợp theo ý người vận hành



Bộ trượt lên xuống cho phép tối ưu sự thoải mái cho người vận hành

Tay chang nhẹ giúp người vận hành thao tác dễ dàng

MỚI



Thiết bị nội thất tiện nghi và thoải mái



Cửa xả 24V



Khay hành lý rộng



Hộp để cốc rộng

Thiết kế mới giảm được 38% lực để điều khiển hoạt động, làm giảm mệt mỏi cho người vận hành khi làm việc trong khoảng thời gian dài.

An toàn

Cabin có kết cấu bảo vệ người lái khi máy bị lật.

MỚI

ROPS (Kết cấu bảo vệ khỏi sự lật ngang), cabin phù hợp theo tiêu chuẩn ISO -12117-2:2008, đảm bảo an toàn hơn cho người vận hành



Kết cấu cabin được cải tiến đảm bảo an toàn cho người vận hành.

MỚI



Tấm trần bảo vệ Cabin (kết cấu chống vật rơi, đạt tiêu chuẩn ISO 10262). Đền cabin đảm bảo cho tầm nhìn của người vận hành rộng hơn.

Góc nhìn được mở rộng khiến việc vận hành an toàn hơn

MỚI



Gương chiếu hậu được trang bị bên phải và bên trái cho phép người vận hành nhìn được không gian phía sau máy, tăng cường sự an toàn.



Búa thoát hiểm

Hoạt động bảo trì, bảo dưỡng hiệu quả đảm bảo cho máy luôn hoạt động tối ưu



MAINTENANCE			
	INTERVAL	REMAINING TIME	EXCHANGE DAY
ENGINE OIL	500	495	--/--
FUEL FILTER	500	495	--/--
HYD. FILTER	1000	995	--/--
HYD. OIL	5000	4995	--/--

Mô hình hiển thị thông tin hoạt động bảo dưỡng máy

Chức năng hiển thị thông tin máy

- Chỉ hiển thị những thông tin bảo dưỡng máy khi cần thiết
- Chức năng tự chẩn đoán cho phép cảnh báo phát hiện sớm và hiển thị sự cố của hệ thống điện
- Chức năng thông báo thời gian làm việc cho phép hoạt động kiểm tra tình trạng máy móc dễ dàng hơn
- Chức năng ghi hình những hỏng hóc bao gồm cả những sự cố bất thường và nhất thời.

Bảo dưỡng máy tại hiện trường dễ dàng

Không gian bên trong động cơ rộng cho phép thợ máy có thể làm công tác bảo trì bên trong. Khoảng cách các bậc ngăn hơn thuận tiện cho việc ra vào. Nắp động cơ nhẹ giúp việc nâng lên hạ xuống dễ dàng hơn.



Không gian rộng rãi cho công tác bảo trì, bảo dưỡng



Bậc và tay vịn

Hoạt động bảo trì, bảo dưỡng, kiểm tra hàng ngày có thể thực hiện trên mặt đất

Tất cả các bộ phận đều được thiết kế ở vị trí thuận tiện cho công tác bảo dưỡng được dễ dàng.



Thiết bị làm sạch không khí kép

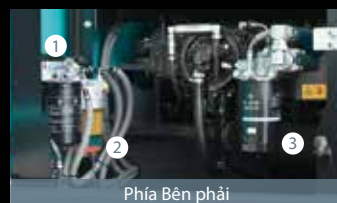


Phía Bên trái

Bộ phận tản nhiệt và kết làm mát được đặt liền nhau nhằm tăng hiệu quả của quá trình làm mát.



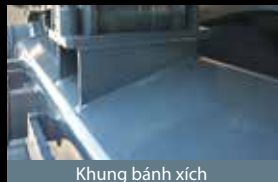
Lọc nhiên liệu tích hợp với lọc tách nước



Phía Bên phải

- 1 Lọc nhiên liệu
- 2 Lọc nhiên liệu tích hợp lọc tách nước
- 3 Lọc dầu động cơ

Dễ dàng vệ sinh



Khung bánh xích

Khung bánh xích được thiết kế đặc biệt nên có thể làm sạch và loại bỏ bùn đất dễ dàng



Thảm lót sàn cabin 2 lớp

Viên tấm thảm nổi chắn bẩn cho sàn cabin.



Thảm lót sàn có đường gờ cao viền xung quanh.

Thảm lót sàn cabin có đường gờ cao viền xung quanh chống bụi bẩn, dễ vệ sinh



Máng dầu động cơ

Máng dầu động cơ được trang bị cùng van xả

Bên trong cabin được bảo dưỡng hiệu quả hơn.

Bộ lọc điều hòa không khí bên trong và bên ngoài có thể dễ dàng tháo lắp được mà không cần dụng cụ làm sạch chuyên dụng.



Bộ lọc điều hòa không khí

KOMEXS

Komexs là hệ thống giám sát từ xa cho máy đào dòng SK. Khi máy đào được kết nối với hệ thống này, dữ liệu về hoạt động của máy, chẳng hạn như giờ hoạt động, vị trí, lượng tiêu thụ nhiên liệu và tình trạng bảo trì có thể thu được từ xa.





Động cơ

Model	HINO J08EUN
Loại	Động cơ Diesel 4 kỳ, phun nhiên liệu trực tiếp, có turbo tăng áp và hệ thống làm mát
Số xilanh	6
Đường kính và hành trình pittong	112 mm X 130 mm
Dung tích buồng đốt	7.684 L
Công suất đầu ra	188 kW/2,100 min ⁻¹ (ISO 9249) 200 kW/2,100 min ⁻¹ (ISO 14396)
Mô men xoắn cực đại	969 N·m/1,600 min ⁻¹ (ISO 9249) 998 N·m/1,600 min ⁻¹ (ISO 14396)



Hệ thống thủy lực

Bơm	
Loại	Hai bơm thay đổi lưu lượng + 1 bơm bánh răng
Lưu lượng tốt nhất	2 x 294 L/min, 1 x 21 L/min
Van xả	
Cần, tay cần và gầu	34.3 MPa {350 kgf/cm ² }
Khi có áp lực	37.8 MPa {385 kgf/cm ² }
Hệ thống di chuyển	34.3 MPa {350 kgf/cm ² }
Hệ thống quay toa	29.0 MPa {296 kgf/cm ² }
Bơm điều khiển	5.0 MPa {50 kgf/cm ² }
Bơm điều khiển	Kiểu bánh răng
Van điều khiển chính	8 van
Hệ thống làm mát dầu	Loại làm mát bằng không khí



Hệ thống quay toa

Mô tơ quay toa	Bơm piston lưu lượng cố định
Phanh	Thủy lực, tự động khóa khi cần điều khiển ở vị trí thủy lực
Phanh dừng	Phanh dầu
Tốc độ quay toa	10 vòng/phút
Khoảng cách từ quay toa tới đối trọng	3,600 mm
Bán kính quay toa nhỏ nhất	4,460 mm



Thiết bị phụ

Kết hợp gầu và tay cần (thông số mang tính chất tham khảo)

Loại			Gầu ngược	
			Chế độ đào bình thường	
Dung tích gầu	ISO heaped	m ³	1.9	1.9 HD
	ISO struck	m ³	1.45	1.45
Chiều rộng	Có lưới cắt	mm	1,740	1,540
	Không có lưới cắt	mm	1,740	1,397
Số răng			5	6
Trọng lượng gầu		kg	2,070	2,052



Hệ thống di chuyển

Mô tơ di chuyển	Bơm piston lưu lượng thay đổi
Phanh di chuyển	Phanh thủy lực
Phanh dừng	Phanh dầu
Số lá xích	48 mỗi bên
Tốc độ di chuyển	5.6/3.3 km/h
Lực đào	331 kN (ISO 7464)
Khả năng leo dốc	70 % {35°}



Cabin và điều khiển

Cabin	
Thách thức mọi chế độ thời tiết và hạn chế tối đa tiếng ồn, tấm lót sàn 2 lớp đảm bảo sàn luôn khô ráo	
Điều khiển	
Hai cần điều khiển tay và hai bàn đạp cho thao tác di chuyển	
Hai cần điều khiển tay cho thao tác đào và quay	
Điều khiển tốc độ động cơ bằng chiết áp ga độ	



Cần chính, tay cần và gầu

Xi lanh cần chính	140 mm x 1,550 mm
Xi lanh tay cần	170 mm x 1,788 mm
Xi lanh gầu	150 mm x 1,193 mm



Dung tích hệ thống

Thùng dầu	503 L
Hệ thống làm mát	35 L
Dầu động cơ	28.5 L
Hộp giảm tốc di chuyển	2 x 8.0 L
Hộp giảm tốc quay toa	7 L
Thùng dầu thủy lực	245 L mức thùng dầu 410 L hệ thống thủy lực



Phạm vi làm việc

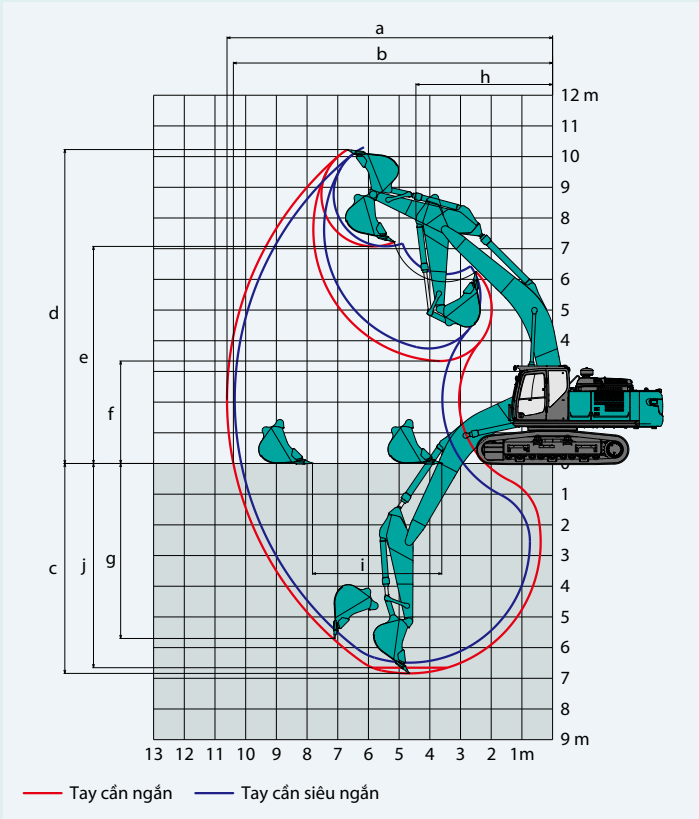
Đơn vị tính: m

Cần chính	6.50m	
Tay cần	Siêu ngắn 2.25 m	Ngắn 2.6 m
Phạm vi		
a- Bán kính đào lớn nhất	10.36	10.61
b- Bán kính đào lớn nhất trên mặt đất	10.15	10.4
c- Chiều sâu đào lớn nhất	6.51	6.84
d- Chiều cao đào lớn nhất	10.29	10.23
e- Chiều cao đổ lớn nhất	7.06	7.07
f- Chiều cao đổ nhỏ nhất	3.73	3.34
g- Chiều sâu đào vách đứng	4.33	5.7
h- Bán kính quay toa nhỏ nhất	4.49	4.46
i- Chiều ngang đào trên mặt đất	3.39	4.21
j- Chiều sâu lớn nhất 2.4m (đường đào mức 8)	6.31	6.65
Dung tích gầu ISO heaped m3	2.1	1.9

Đơn vị tính: kN

Chiều dài tay cần	Siêu ngắn 2.25 m	Ngắn 2.6 m
Lực đào của gầu	229 252*	229 252*
Lực co tay cần	232 255*	207 228*

* Có thể tăng lực



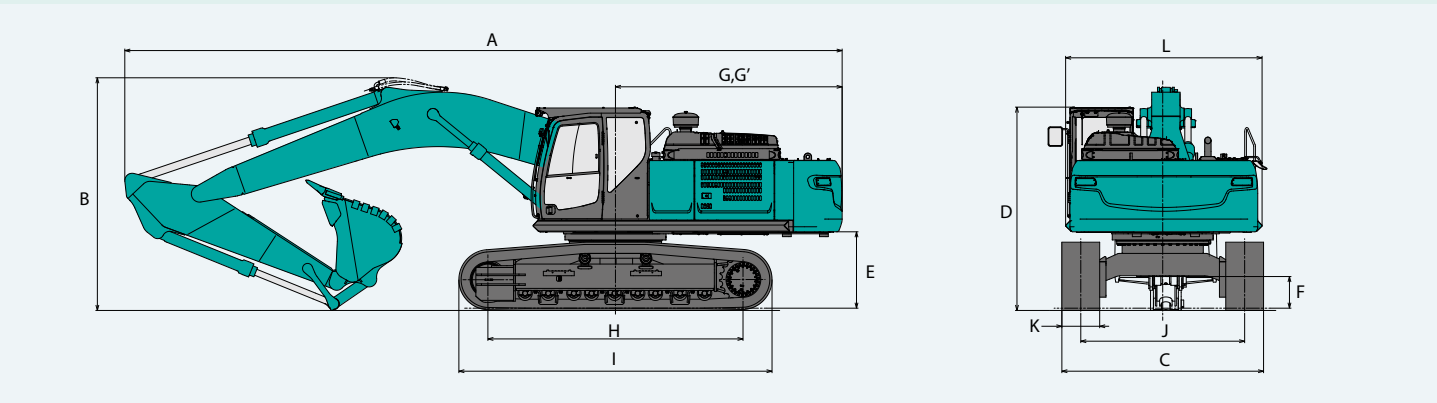
Kích thước

Chiều dài tay cần	Siêu ngắn 2.25 m	Ngắn 2.6 m
A Chiều dài tổng thể	11,510	11,380
B Chiều dài tổng thể (tính tới đỉnh cần)	3,770	3,690
C Chiều rộng bánh xích	3,190	
D Chiều cao tổng thể	3,230	
E Khoảng sáng gầm của phía sau	1,210	
F Khoảng sáng gầm xe	500	

Đơn vị tính: mm

G Khoảng sáng đuôi xe	3,600
G' Khoảng cách từ tâm quay toa tới đối trọng	3,600
H Chiều dài tiếp đất của xích	4,050
I Chiều dài xích	4,970
J Khoảng cách 2 tâm	2,590
K Độ rộng xích	600
L Độ rộng buồng máy	3,120

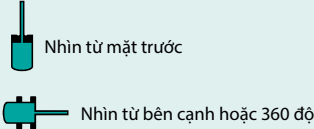
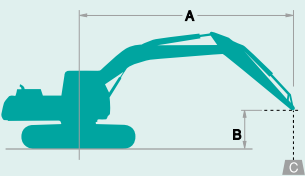
* Không bao gồm chiều dày vành xích



Trọng lượng vận hành và áp lực trên mặt đất

Đối với đầm tiêu chuẩn và cần tiêu chuẩn, tay cần 2.6m, và gầu 1.9m3 theo tiêu chuẩn ISO

Hình dáng	Lá xích có 3 đường gân (chiều cao đồng đều)	
Chiều rộng bánh xích	mm	600800
Chiều rộng toàn phần của bánh xích	mm	3,2003,400
Áp suất trên mặt đất	kPa	7255
Tải trọng khai thác	kg	38,50039,100



A: Khoảng cách từ tâm quay toa đến móc gầu
B: Chiều cao từ mặt đất đến móc gầu
C: Sức nặng trên kg
Điều chỉnh van giảm áp: 34.3 Mpa (350kgf/cm3).

SK380XDLC		Tay cần siêu ngắn: 2.25m Gầu:không có. Bánh xích 600mm. Đối trọng: 7.890kg									
A	B	3.0 m		4.5 m		6.0 m		7.5 m		Tầm với lớn nhất	
7.5 m	kg					*8,480	*8,480			*8,430	*8,430
6.0 m	kg					*8,830	*8,830	*8,130	7,860	*8,120	7,480
4.5 m	kg					*9,760	*9,760	*8,390	7,650	*8,040	6,520
3.0 m	kg					*10,850	10,000	*8,880	7,370	*8,070	6,040
1.5 m	kg					*11,650	9,550	*9,290	7,120	*8,160	5,900
G.L.	kg					*11,880	9,330	*9,410	6,980	*8,260	6,060
-1.5 m	kg			*14,740	14,120	*11,450	9,320	*8,950	6,990	*8,320	6,610
-3.0 m	kg	*15,550	*15,550	*12,890	*12,890	*10,090	9,510			*8,170	7,870
-4.5 m	kg			*9,380	*9,380					*7,240	*7,240

SK380XDLC		Tay cần siêu ngắn: 2.25m Gầu:không có. Bánh xích 600mm. Đối trọng: 7.890kg									
A	B	3.0 m		4.5 m		6.0 m		7.5 m		Tầm với lớn nhất	
7.5 m	kg					*8,480	*8,480			*8,430	*8,430
6.0 m	kg					*8,830	*8,830	*8,130	7,960	*8,120	7,580
4.5 m	kg					*9,760	*9,760	*8,390	7,760	*8,040	6,610
3.0 m	kg					*10,850	10,140	*8,880	7,470	*8,070	6,130
1.5 m	kg					*11,650	9,690	*9,290	7,220	*8,160	5,990
LEVEL	kg					*11,880	9,480	*9,410	7,080	*8,260	6,150
-1.5 m	kg			*14,740	14,330	*11,450	9,460	*8,950	7,090	*8,320	6,710
-3.0 m	kg	*15,550	*15,550	*12,890	*12,890	*10,090	9,650			*8,170	7,990
-4.5 m	kg			*9,380	*9,380					*7,240	*7,240

SK380XDLC		Tay cần ngắn: 2.6 m Gầu:không có. Bánh xích 600mm. Đối trọng: 7.890kg									
A	B	3.0 m		4.5 m		6.0 m		7.5 m		Tầm với lớn nhất	
7.5 m	kg									*7,820	*7,820
6.0 m	kg					*8,360	*8,360	*7,670	*7,670	*7,600	7,050
4.5 m	kg			*12,020	*12,020	*9,330	*9,330	*8,030	7,640	*7,570	6,180
3.0 m	kg					*10,480	10,030	*8,580	7,330	*7,640	5,730
1.5 m	kg					*11,380	9,530	*9,060	7,060	*7,760	5,580
G.L.	kg			*15,850	13,890	*11,760	9,260	*9,280	6,880	*7,920	5,710
-1.5 m	kg			*15,040	13,940	*11,490	9,200	*9,020	6,850	*8,050	6,190
-3.0 m	kg	*16,970	*16,970	*13,400	*13,400	*10,390	9,330			*8,060	7,270
-4.5 m	kg	*12,820	*12,820	*10,360	*10,360					*7,570	*7,570

SK380XDLC		Tay cần ngắn: 2.6 m Gầu:không có. Bánh xích 800mm. Đối trọng: 7.890kg									
A	B	3.0 m		4.5 m		6.0 m		7.5 m		Tầm với lớn nhất	
7.5 m	kg									*7,820	*7,820
6.0 m	kg					*8,360	*8,360	*7,670	*7,670	*7,600	7,150
4.5 m	kg			*12,020	*12,020	*9,330	*9,330	*8,030	7,750	*7,570	6,270
3.0 m	kg					*10,480	10,170	*8,580	7,440	*7,640	5,820
1.5 m	kg					*11,380	9,670	*9,060	7,170	*7,760	5,670
G.L.	kg			*15,850	14,090	*11,760	9,400	*9,280	6,990	*7,920	5,800
-1.5 m	kg			*15,040	14,140	*11,490	9,340	*9,020	6,960	*8,050	6,280
-3.0 m	kg	*16,970	*16,970	*13,400	*13,400	*10,390	9,470			*8,060	7,380
-4.5 m	kg	*12,820	*12,820	*10,360	*10,360					*7,570	*7,570

- Chú ý:
- Không cố gắng nâng hoặc giữ bất kỳ vật nặng nào lớn hơn công suất nâng ở chiều cao và bán kính nâng tiêu chuẩn. Trọng lượng của vật nặng phải nhỏ hơn công suất nâng của máy.
 - Công suất nâng của máy cần cử trên cơ sở: máy đứng ở mặt đất vững chắc. Người vận hành phải tính đến dung sai của công suất nâng cho các điều kiện làm việc khác nhau như: mặt đất mềm hay gập ghềnh, tải trọng biến, tải trọng khi dừng đột ngột, tình trạng nguy hiểm hoặc kinh nghiệm của người vận hành....
 - Chốt của đầu tay cần được dùng để nâng hàng
 - Công suất nâng của máy đáp ứng tiêu chuẩn ISO 10567 và không vượt quá 87% công suất thủy lực hoặc 75% tải trọng lật. Công suất nâng (đánh dấu bởi dấu hoa thị) được giới hạn bởi công suất thủy lực hơn là tải trọng lật.
 - Người vận hành máy phải hiểu rõ hướng dẫn bảo trì trước khi vận hành máy này, và phải tuân thủ triệt để quy tắc vận hành thiết bị an toàn .
 - Công suất nâng này chỉ áp dụng với những máy được sản xuất chính hãng tại Kobelco Construction machinery.

THIẾT BỊ TIÊU CHUẨN

ĐỘNG CƠ

- Động cơ, HINO J08EUN, động cơ diesel phun nhiên liệu trực tiếp, có turbo tăng áp và hệ thống làm mát.
- Chế độ ga tự động
- Tự động tắt máy khi không làm việc
- Ắc quy (2x12V-96Ah)
- Mô tơ khởi động (24V-5Kw), máy phát xoay chiều 60
- Tự động tắt động cơ khi áp lực dầu động cơ thấp
- Thay dầu động cơ dễ dàng
- Lọc gió kép

ĐIỀU KHIỂN

- Lựa chọn chế độ làm việc (H, S và ECO)
- Hệ thống tăng lực

HỆ THỐNG DI CHUYỂN VÀ QUAY TOA

- Chế độ ngăn ngừa dội lại khi quay toa
- Chế độ di chuyển thẳng
- Chế độ di chuyển 2 tốc độ
- Phốt làm kín cho bộ phận bạc ốc xích
- Vú tra mỡ điều chỉnh xích
- Phanh quay toa tự động

THỦY LỰC

- Hệ thống bù lưu lượng của thao tác tay cần
- Hệ thống làm ấm tự động
- Kết làm mát thủy lực với chất liệu aluminum
- Hệ thống tay cần
- Hệ thống bảo tắc lọc hồi thủy lực

GƯƠNG VÀ ĐÈN

- Hai gương chiếu hậu
- Sáu đèn làm việc (2 cho cần chính, 1 cho xi lanh, 1 cho hộp chứa bên phải và 2 cho cabin)

CABIN VÀ ĐIỀU KHIỂN

- Hai cần điều chỉnh
- Cửa kéo phía trước
- Còi, hộp điện tử
- Đèn cabin (bên trong)
- Khay để hành lý
- Hộp để cốc rộng
- Thảm sàn cabin 2 lớp chống đọng nước
- Tựa đầu
- Tay vịn
- Khăn lau kính và hai máy phun mù rửa kính
- Cửa sổ trời
- Kính màu an toàn
- Cửa kính trước thiết kế kiểu đẩy có hai phần riêng biệt
- Màn hình đa chức năng dễ đọc
- Điều hòa không khí tự động
- Búa thoát hiểm
- KOMEXS
- Ghế được trang bị lò xo

THIẾT BỊ TÙY CHỌN

- Hệ thống đường ống dùng cho búa kẹp
- Bơm nhiên liệu
- Camera sau
- Giá đỡ chống tuột xích

Chú ý: Các thiết bị tiêu chuẩn và tùy chọn có nhiều loại khác nhau. Vui lòng liên hệ nhà phân phối của Kobelco để biết thêm chi tiết.

Chú ý: Trong quyển catalogue này có thể có những hình ảnh máy và thiết bị tùy chọn không có sẵn ở khu vực của bạn. Vui lòng liên hệ nhà phân phối KOBELCO gần nhất cho những danh mục hàng bạn yêu cầu. Do chính sách của chúng tôi liên tục cải tiến tất cả các sản phẩm, nên tất cả các thiết kế và thông số kỹ thuật của thiết bị có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Bản quyền: **KOBELCO CONSTRUCTION MACHINERY CO.,LTD.** Không được sao chép dưới bất kỳ hình thức nào mà không có sự cho phép của Kobelco.

CÔNG TY MÁY XÂY DỰNG KOBELCO VIỆT NAM

Add: Số 12, đường 2A, KCN Biên Hòa 2, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai, Việt Nam
Tel : +84 (0251) 3834 656 | Fax : +84 (0251) 3834 665
E-mail: info-kobelco@kobelco.com.vn
Website: www.kobelco.com.vn

CHI NHÁNH

Add: Số 2, đường TS12, KCN Tiên Sơn, Bắc Ninh
Tel: +84 (0222) 3714 268 | Fax: +84 (0222) 3714 286

VPĐD tại Gia Lai

Add: Số 76, Phạm Văn Đồng,
P. Hoa Lư, Tp. Pleiku, Gia Lai
Tel : +84 (0269) 386 59 59
Fax: +84 (0269) 386 59 58

VPĐD tại Đà Nẵng

Add: Số 552, đường 2 tháng 9,
P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: +84 (0236) 3638 345
Fax: +84 (0236) 3638 347

VPĐD tại Nghệ An

Add: KM số 4, tuyến đường tránh Vinh,
Khối 2, P.Vinh Tân, Tp Vinh, Nghệ An
Tel: +84 (0238) 3558 255
Fax: +84 (0238) 8695 255

VPĐD tại Lào Cai

Add: Số 161, đường Nguyễn Huệ,
P. Phố Mới, Tp. Lào Cai, Lào Cai
Tel: +84 (0214) 3829 285
Fax: +84 (0214) 3829 286

VPĐD tại Điện Biên

Add: Số 176B, đường Trường Chinh,
Tp. Điện Biên Phủ, Điện Biên
Tel: +84 (0215) 3832 669
Fax: +84 (0215) 3832 665